

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 699/2025/DS-PT

Ngày: 17-10-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Võ Quang Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 464/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần V. Địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Phú S. Địa chỉ: Tầng G, D N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2025).

2. Công ty cổ phần M. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Ngọc H, sinh năm 2002. Địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà C, số D N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2025).

- Bị đơn:

1. Ông Phan Văn H1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

Người kháng cáo: Bị đơn là ông Phan Văn H1.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1908141599966/LAN/HĐTC ngày 23/8/2019 ông H1 và bà N vay số tiền 282.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay là thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô mới 100% nhãn hiệu HYUNDAI, ACCENT 1.4 MT FULL, MÃ OCN: G102, động cơ: máy xăng - 1.4L số sàn, sản xuất 2019 phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 10,9%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh, định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo. Thời hạn vay 06 tháng, định kỳ mỗi tháng trả 01 lần với số tiền gốc 4.700.000 đồng và tiền lãi.

- Hợp đồng cho vay ngày 07/7/2021, ông H1 và bà N vay số tiền 98.000.000 đồng. Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày V1 giải ngân vốn vay đến ngày 19/6/2024, định kỳ mỗi tháng trả gốc và lãi 01 lần. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 19%/năm.

- Hợp đồng cho vay ngày 30/9/2022, ông H1 và bà N vay số tiền 93.000.000 đồng. Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày V2 giải ngân vốn vay đến ngày 19/9/2025, định kỳ mỗi tháng trả gốc và lãi 01 lần. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 19%/năm.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, V1 ký kết với ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN1908141599966/LAN/HĐTC ký ngày 23/08/2019, tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: ACCENT, biển kiểm soát: 62A-150.29, số

khung: RLUA141BAKN021086, số máy: G4LCKF706654 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh L cấp ngày 23/8/2019 cho ông Phan Văn H1.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER ngày 30/6/2024 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với Công ty cổ phần M (Công ty M) thì V1 đồng ý bán và Công ty M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thế chấp mà ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N đã ký kết với V1.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 19/02/2024; tạm tính đến ngày 05/12/2024, tổng số tiền ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N còn nợ Công ty M và V1 là: 341.030.632 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 231.404.372 đồng, nợ lãi là 109.626.260 đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER ngày 30/6/2024 và Phụ lục đính kèm, tỷ lệ sở hữu của V1 được xác định là 10% và Công ty M được xác định là 90% đối với từng khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo các Hợp đồng tín dụng mà V1 ký với ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N như sau: Số tiền phải trả cho Công ty M là: 306.640.991 đồng, trong đó, nợ gốc: 208.263.935 đồng và nợ lãi: 98.377.056 đồng. Số tiền phải trả cho V1 là: 34.389.641 đồng, trong đó, nợ gốc: 23.140.437 đồng và nợ lãi: 11.249.204 đồng.

Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu ông H1 và bà N trả cho Công ty số tiền 306.640.991 đồng, trong đó, nợ gốc: 208.263.935 đồng và nợ lãi: 98.377.056 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu ông H1 và bà N trả cho Ngân hàng 34.389.641 đồng, trong đó, nợ gốc: 23.140.437 đồng và nợ lãi: 11.249.204 đồng.

Yêu cầu ông H1 và bà N phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng trên từ ngày 06/12/2024 cho đến khi trả hết nợ vay cho Công ty M và V1. Lãi phát sinh phải trả cho Công ty M và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trường hợp ông H1 và bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, thì Công ty M và V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: ACCENT, biển kiểm soát 62A-150.29, số khung: RLUA141BAKN021086, số máy: G4LCKF706654 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh L cấp ngày 23/8/2019 cho ông Phan Văn H1.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông H1 và bà N trả cho Công ty số tiền gốc 208.263.935 đồng và 117.872.094 tiền lãi (tính đến ngày 08/4/2025). Yêu cầu ông H1 và bà N phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng trên từ ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ vay cho Công ty M. Lãi phát sinh phải trả cho Công ty M và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ. Trường hợp ông H1 và bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, thì Công ty M có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: ACCENT, biển kiểm soát 62A-150.29, số khung: RLUA141BAKN021086, số máy: G4LCKF706654 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh L cấp ngày 23/8/2019 cho ông Phan Văn H1.

Người đại diện theo ủy quyền của V1 xin vắng mặt nhưng có văn bản ngày 24/01/2025 thể hiện ý kiến đồng ý với mọi ý kiến do đại diện Công ty cổ phần M trình bày tại phiên tòa.

Bị đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà và ông Phan Văn H1 là vợ chồng, kết hôn năm 2012 đến năm 2024 thì ly hôn. Khi sống chung bà và ông H1 có vay tiền của Ngân hàng TMCP V như lời trình bày của Ngân hàng. Ngày 23/8/2019 ký hợp đồng vay số tiền 282.000.000 đồng để mua xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, biển kiểm soát 62A-150.29 và có thế chấp chiếc xe nêu trên cho Ngân hàng. Ngày 07/7/2021 vay 98.000.000 đồng và ngày 30/9/2022 vay 93.000.000 đồng thông qua kênh V1 online mục đích vay phục vụ nhu cầu cuộc sống trong gia đình bà. Hiện nay bà và ông H1 còn nợ Ngân hàng 231.404.372 đồng tiền vay gốc và tiền lãi. Tại phiên tòa bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và Công ty M.

Bị đơn ông Phan Văn H1 trình bày tại bản tự khai ngày 03/4/2025: Ông và bà Trần Thị N là vợ chồng, kết hôn năm 2012 đến năm 2024 thì ly hôn. Khi sống chung ông và bà N có vay tiền của Ngân hàng TMCP V như lời trình bày của Ngân hàng là vào ngày 23/8/2019 vay 282.000.000 đồng để mua xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI và có thế chấp chiếc xe trên cho Ngân hàng. Còn 02 khoản vay ngày 07/7/2021 với số tiền 98.000.000 đồng và ngày 30/9/2022 vay 93.000.000 đồng, ông không có vay, còn vợ ông có vay không ông không biết. Ông đã trả tiền cho Ngân hàng đối với hợp đồng vay ngày 23/8/2019 đến tháng 5/2022 nhưng không nhớ hiện còn nợ bao nhiêu. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông chỉ đồng ý trả số tiền còn lại đối với hợp đồng vay ngày 23/8/2019 và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 317, 319, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N.

1. Buộc ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 36.237.336 đồng. Trong đó 23.140.437 đồng tiền vay gốc và 13.096.899 đồng tiền lãi.

2. Buộc ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần M số tiền 326.136.029 đồng. Trong đó 208.263.935 đồng tiền vay gốc và 117.872.094 đồng tiền lãi.

3. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N còn phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M tiền lãi trên số tiền vay gốc tương ứng với các hợp đồng tín dụng đã ký kết với tỷ lệ được xác định (Ngân hàng thương mại cổ phần V 10%, Công ty cổ phần M 90%) đến khi thi hành án xong.

4. Công nhận hiệu lực Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1908141599966/LAN/HĐTC ngày 23/8/2019 giữa ông Phan Văn H1, bà Trần Thị N và Ngân hàng thương mại cổ phần V. Trường hợp ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ đối với Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN1908141599966/LAN/HĐTC ngày 23/8/2019 thì Công ty M và V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: ACCENT, biển kiểm soát: 62A-150.29, số khung: RLUA141BAKN021086, số máy: G4LCKF706654 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh L cấp ngày 23/8/2019 cho ông Phan Văn H1.

5. Về án phí: Buộc ông Phan Văn H1, bà Trần Thị N phải liên đới chịu 18.119.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

H2 lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 1.160.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 13/01/2025 theo biên lai thu tiền số 0002223.

H2 lại cho Công ty cổ phần M số tiền 7.966.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 13/01/2025 theo biên lai thu tiền số 0002224.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 20/05/2025 bị đơn ông Phan Văn H1 có đơn kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án số 12/2025/DS-ST, ngày 08/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Ông Phan Văn H1 kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà

N trả 02 khoản vay ngày 07/7/2021 và ngày 30/9/2022, vì ông không có sử dụng tiền của 02 khoản vay này.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà N vắng mặt không lý do; ông Phan Văn H1 có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên đơn kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty cổ phần M có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS năm 2015.

2. Tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo

Ông Phan Văn H1 kháng cáo - kháng cáo đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

3. Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án dân sự

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Phan Văn H1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Phan Văn H1 đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

[3] Về việc giải quyết kháng cáo:

[3.1] Đối với Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1908141599966/LAN/HĐTC ngày 23/8/2019 thể hiện ông H1 và bà N vay V1 số tiền 282.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, định kỳ mỗi tháng trả gốc 4.700.000 đồng và tiền lãi được ông H1 và bà N thừa nhận. Bà N và Ngân hàng thống nhất ông H1 và bà N đã trả cho Ngân hàng 41 tháng là tính đến tháng 02/2023 với số tiền gốc 192.700.000 đồng nên còn số tiền gốc chưa trả 89.300.000 đồng. Ông H1 cho rằng đã trả cho Ngân hàng đến tháng 5/2022 và còn thiếu số

tiền bao nhiêu ông không biết nên không chấp nhận lời trình bày của ông H1. Ông H1 và bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và còn nợ với số tiền vay gốc 89.300.000 đồng cùng tiền lãi theo hợp đồng là 42.215.529 đồng.

Đối với Hợp đồng cho vay ngày 07/7/2021 với số tiền 98.000.000 đồng và Hợp đồng cho vay ngày 30/9/2022 với số tiền 93.000.000 đồng. Ông H1 cho rằng không vay, còn bà N thừa nhận có vay thông qua kênh V1 online với mục đích vay phục vụ nhu cầu cuộc sống trong gia đình. Xét thấy, số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H1, bà N và số tiền vay nhằm mục đích phục vụ nhu cầu cuộc sống trong gia đình nên ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới với bà N trả số tiền vay gốc còn thiếu và tiền lãi theo hai hợp đồng vay cho nguyên đơn. Cụ thể, hợp đồng ngày 07/7/2021 với số tiền vay gốc 55.448.524 đồng, lãi 35.367.821 đồng và hợp đồng ngày 30/9/2022 với số tiền vay gốc 86.655.848 đồng, lãi 53.385.643 đồng.

Ông H1 và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên phải trả số tiền vay gốc là 231.404.372 đồng và tiền lãi với mức lãi suất đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày xét xử với số tiền 130.968.993 đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER ngày 30/06/2024 và Phụ lục đính kèm, thì V1 đồng ý bán và Công ty M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N. Tỷ lệ sở hữu của V1 được xác định là 10% và Công ty M được xác định là 90% đối với từng khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo Hợp đồng tín dụng mà V1 ký với ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N. Nên ông H1 và bà N có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền vay gốc 208.263.935 đồng và 117.872.094 đồng tiền lãi; Ông H1 và bà N có nghĩa vụ trả cho V2 số tiền vay gốc 23.140.437 đồng và 13.096.899 đồng tiền lãi.

Về nội dung khởi kiện của các nguyên đơn đối với hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay 282.000.000 đồng trên, V1 ký kết với ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số LN1908141599966/LAN/HĐTC ký ngày 23/08/2019, tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: ACCENT, biển kiểm soát: 62A-150.29, số khung: RLUA141BAKN021086, số máy: G4LCKF706654 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh L cấp ngày 23/8/2019 cho ông Phan Văn H1. Việc thế chấp xe ô tô nêu trên giữa ông H1, bà N và V1 được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Đà Nẵng vào ngày 23/8/2019 và được các đương sự thừa nhận. Nên việc thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay trên của ông H1, bà N và V1 là phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận. Trường hợp ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ đối với Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế

chấp xe ô tô số LN1908141599966/LAN/HĐTC ngày 23/8/2019 thì Công ty M và V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nêu trên để bảo đảm thi hành án.

[3.2] Như phân tích trên Tòa án cấp sơ quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N là có căn cứ. Ông H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H1 phải chịu án phí theo Điều 148 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Tây Ninh).

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 317, 319, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N.

1. Buộc ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 36.237.336 đồng. Trong đó 23.140.437 đồng tiền vay gốc và 13.096.899 đồng tiền lãi.

2. Buộc ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần M số tiền 326.136.029 đồng. Trong đó 208.263.935 đồng tiền vay gốc và 117.872.094 đồng tiền lãi.

3. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N còn phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M tiền lãi trên số tiền vay gốc tương ứng với các hợp đồng tín dụng đã ký kết với tỷ lệ được xác định (Ngân hàng thương mại cổ phần V 10%, Công ty cổ phần M 90%) đến khi thi hành án xong.

4. Công nhận hiệu lực Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1908141599966/LAN/HĐTC ngày 23/8/2019 giữa ông Phan Văn H1, bà Trần Thị N và Ngân hàng thương mại cổ phần V. Trường hợp ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ đối với Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN1908141599966/LAN/HĐTC ngày 23/8/2019 thì Công ty M và V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: ACCENT, biển kiểm soát: 62A-150.29, số khung: RLUA141BAKN021086, số máy: G4LCKF706654 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh L cấp ngày 23/8/2019 cho ông Phan Văn H1.

5. Về án phí: Buộc ông Phan Văn H1, bà Trần Thị N phải liên đới chịu 18.119.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

H2 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 1.160.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Tây Ninh) ngày 13/01/2025 theo biên lai thu tiền số 0002223.

H2 lại cho Công ty cổ phần M số tiền 7.966.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Tây Ninh) ngày 13/01/2025 theo biên lai thu tiền số 0002224.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn H1 phải chịu số tiền 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002323 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Tây Ninh)

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 9 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hữu Nghĩa